

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 26 - 01 - 2022
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.
2. Ông Mai Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp LC, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 02, Ấp LC, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị H trình bày:

Bà H và bà H1 có mối quan hệ quen biết từ trước nên bà H1 đã nhiều lần hỏi vay tiền của Bà H. Tính đến ngày 02/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 31/8/2019 dương lịch) bà H1 vay tiền của Bà H tổng số tiền vốn vay là 151.000.000 đồng;

bà H1 có viết biên nhận nợ với Bà H. Lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/tháng, lãi trả hàng tháng, thời hạn vay: Hai bên thỏa thuận miệng đến khi nào Bà H cần lấy lại số tiền nêu trên thì thông báo cho bà H1 biết trước 01 tháng. Sau khi bà H1 làm biên nhận nợ thì vào ngày 01/9/2019 dương lịch, Bà H cần lấy lại số tiền đã cho bà H1 vay nên Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả lại nhưng bà H1 chỉ hứa hẹn và cố tình tránh mặt Bà H, đến nay vẫn chưa trả vốn. Kể từ thời điểm làm biên nhận vay ngày 31/8/2019 dương lịch đến nay thì bà H1 cũng không đóng lãi cho Bà H.

Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ đóng lãi và trả nợ gốc, nên Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm trả lại cho Bà H số tiền vốn vay là 151.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 03/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 01/9/2019 dương lịch) đến khi bà H1 trả hết nợ vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn bà H1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà H giữ nguyên yêu cầu bà H1 trả số tiền vốn vay 151.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 03/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 01/9/2019 dương lịch) đến khi bà H1 trả hết nợ vay. Thống nhất tính lãi trong hạn trong thời gian 03 tháng (từ ngày 01/9/2019 đến ngày 01/12/2019); tính lãi quá hạn kể từ ngày 02/12/2019 đến khi bà H1 trả hết toàn bộ nợ vay.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà H, buộc bà H1 có nghĩa vụ trả cho Bà H số tiền vốn vay 151.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, trong đó tính lãi trong hạn trong thời gian 03 tháng kể từ ngày 01/9/2019 đến ngày 01/12/2019; tính lãi quá hạn kể từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2022.

Kể từ ngày 27/01/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Do Bà H và bà H1 không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất nợ trong hạn 20%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H1, trong đó có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Biên nhận nợ đề ngày 02/8/2019 âm lịch, nhưng bà H1 không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Biên nhận nợ đề ngày 02/8/2019 âm lịch mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ Biên nhận nợ đề ngày 02/8/2019 âm lịch, lời khai của Bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa Bà H và bà H1 có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 02/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 31/8/2019 dương lịch); thuộc loại hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi; số tiền vốn vay là 151.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản giữa Bà H và bà H1 không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Bà H khai khi nào cần lấy lại tiền thì báo trước 01 tháng; tuy nhiên, nội dung Biên nhận nợ không thể hiện thỏa thuận này; bà H1 cũng không có ý kiến về thời hạn trả nợ. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của HĐTP TANDTC, Hội đồng xét xử xác định thời gian hợp lý khi báo trước là 03 tháng, kể từ thời điểm Bà H thông báo yêu cầu bà H1 trả nợ vào ngày 01/9/2019.

[3.2] Xét, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn Bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền vốn vay 151.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi:

[4.1] Các bên thỏa thuận mức lãi suất 5%/tháng (tương đương 60%/năm) là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất là 20%/năm để tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2022) được tính như sau:

- Nợ lãi trong hạn từ ngày 01/9/2019 đến ngày 01/12/2019 (03 tháng) là: $151.000.000đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ tháng} = 7.550.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số) (1)

- Nợ lãi quá hạn từ ngày 02/12/2019 đến ngày 26/01/2022 (02 năm 01 tháng 24 ngày) là: $151.000.000đ \times 20\%/năm \times 150\% \times (02 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}) = 97.395.000 \text{ đồng}$ (2)

Tổng cộng tiền lãi: (1) + (2) = 104.945.000 đồng.

[5] Như vậy, bà H1 phải có trách nhiệm trả cho Bà H số tiền nợ vay tổng cộng là: 255.945.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay là 151.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2022) là 104.945.000 đồng.

[6] Kể từ ngày 27/01/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Do Bà H và bà H1 không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất nợ trong hạn 20%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị H số tiền nợ vay tổng cộng là 255.945.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 151.000.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu đồng);
- Tiền lãi tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/01/2022) là 104.945.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 27/01/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho bà Mai Thị H số tiền 3.775.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003267 ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 12.797.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thu H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Minh Chánh Trương Thị Thu Thủy

Nguyễn Duy Linh